

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 05-02-2021

V/v tranh chấp “hôn nhân
và gia đình, ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông La Hồng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Kim Cương;

2. Bà Lê Kim Chi.

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Mỹ Thanh – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang: Ông Đỗ Phước Thành, Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 02 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 29/2020/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 10 năm 2020 về tranh chấp “Hôn nhân và gia đình, ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 175/2020/QĐXXST-HN ngày 23 tháng 12 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2021/QĐST-HN ngày 15/01/2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông ZHANG YA J, sinh năm 1993, nơi cư trú: Số 043, huyện HD, tỉnh Hà Nam, Trung Quốc; địa chỉ liên lạc: đường V, phường 6, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh, vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Bà Lê Kim L, sinh năm 2001, nơi cư trú: Ấp T, thị trấn O, huyện TS, tỉnh An Giang, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn ông ZHANG YA J trình bày:

Ông ZHANG YA J và bà Lê Kim L do mai mối quen nhau, sau một thời gian tìm hiểu tự nguyện kết hôn có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân huyện TS và được cấp giấy chứng nhận kết số 16 ngày 26/02/2020. Thời gian đầu sau khi kết hôn, ông ZHANG YA J và bà Lê Kim L chung sống hạnh phúc. Tuy nhiên, thời gian thì ông J và bà L phát sinh mâu thuẫn bất hòa về quan điểm, công việc, ngôn ngữ, làm phát sinh mâu thuẫn, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt, không thể tiếp tục chung sống. Nay ông J khởi kiện ly hôn bà L.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn bà Lê Kin L đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng đến nay vẫn không có ý kiến gửi cho Tòa án.

Tại phiên tòa, nguyên đơn vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt.

Chủ tọa phiên tòa công bố lý do nguyên đơn vắng mặt và đơn đề nghị Hội đồng xét xử vắng mặt ghi ngày 28/9/2020.

Về bị đơn đã được tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, mở phiên tòa lần thứ nhất vào ngày 15/01/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa sơ thẩm để mở phiên tòa ngày 05/02/2021, cả hai lần đều vắng mặt.

Chủ tọa phiên tòa công bố tóm tắt nội dung vụ án nguyên đơn kiện bị đơn ly hôn và tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Kiểm sát viên phát biểu: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân thủ đúng pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Về việc giải quyết vụ án, đề nghị chấp nhận theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được kiểm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn cư trú Trung Quốc, bị đơn cư trú tại ấp T, thị trấn O, huyện TS, tỉnh An Giang. Nguyên đơn khởi kiện ly hôn, thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân tỉnh An Giang theo quy định tại khoản 3 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 37 của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015.

Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt ghi ngày 28/9/2020; bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt. Căn cứ khoản 1 điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử.

[2] Về nội dung, xem xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Thông qua sự giới thiệu của người thân, nguyên đơn và bị đơn đã tìm hiểu, yêu thương nhau, có đăng ký và được Ủy ban nhân dân huyện TS cấp giấy chứng nhận kết hôn số 16 ngày 26/02/2020, được công nhận là hôn nhân.

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai của nguyên đơn thì mâu thuẫn phát sinh từ bất đồng về quan điểm sống, công việc, ngôn ngữ. Tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Nguyên đơn khởi kiện ly hôn bị đơn.

Theo biên bản xác minh ngày 26/11/2020, được ông Đào Ngọc T1, Trưởng ấp T, thị trấn O, huyện TS cho biết bà L sinh sống tại địa phương và làm ăn tại địa phương. Hiện tại vợ chồng cũng không còn sống chung với nhau. Theo ông, quan hệ giữa vợ chồng bà L cũng có nhiều mâu thuẫn do vợ chồng không thương xuyên

sống với nhau và bất đồng về ngôn ngữ nên vợ chồng không thể hòa hợp với nhau được.

Với những chứng cứ qua lời trình bày của nguyên đơn và chứng cứ thu thập được, thấy rằng mâu thuẫn giữa ông J và bà L đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu duy trì cuộc hôn nhân cũng không mang lại hạnh phúc cho ông J và bà L. Xét, chấp nhận theo quan điểm của Kiểm sát viên, cho ông J được ly hôn bà L theo quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Không có.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Ghi nhận việc ông ZHANG YU J xác định không có tài sản chung và nợ chung, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật nếu có người khởi kiện và xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung ông ZHANG YU J và bà L trong thời kỳ hôn nhân thì ông J và bà L phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự.

[5] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, buộc nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, khoản 4 Điều 147, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông ZHANG YU J.

1. Ông ZHANG YU J được ly hôn bà Lê Thị L.

Giấy chứng nhận số 16, ngày 26/02/2020 của Ủy ban nhân dân huyện TS, tỉnh An Giang không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Không có.

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu xem xét.

4. Về nợ chung: ông ZHANG YU J xác định không có tài sản chung và nợ chung, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật nếu có người khởi kiện và xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung ông ZHANG YU J và bà L trong thời kỳ hôn nhân thì ông J và bà L phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự.

5. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Ông ZHANG YU J phải chịu 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng tiền án phí hôn nhân sơ thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã

nộp theo biên lai thu số 0005753 ngày 05/10/2020 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh An Giang. Ông J đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Ông ZHANG YU J và bà Lê Thị L được quyền kháng cáo đề yêu cầu Tòa án nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao;
- VKSND tỉnh An Giang;
- Cục THADS tỉnh An Giang;
- Phòng KTNV-THA;
- Văn phòng;
- Các đương sự;
- UBND huyện TS;
- Lưu: Tòa GD&NCTN, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

La Hồng